

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang và bà Nguyễn Thị Tạc.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Ông Trần Tô Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 798/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cao Văn H, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số E L, P. E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Đ (Đội số 08, phân trại 2, trại giam Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk).

(các đương sự đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn trình bày như sau:**

Ông Cao Văn H (nguyên đơn) và bà Nguyễn Thị Thanh P (bị đơn) đăng ký kết hôn ngày ngày 24/10/2018 tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn tại chính quyền địa phương xong vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 các bên phát sinh mâu thuẫn và bị đơn vi phạm pháp

luật hiện đang chấp hành án nên vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Văn P1, sinh ngày 20/7/2018. hiện nay đang ở với nguyên đơn, nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày như sau:**

- Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn đồng ý. Do bị đơn đang chấp hành án nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Văn P1 sinh ngày 20/7/2018. hiện nay đang ở với nguyên đơn, nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành thì bị đơn đồng ý.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Giao cháu Cao Văn P1, sinh ngày 20/7/2018 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố

Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2018 tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung và hiện tại bị đơn đang chấp hành án nên tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và được bị đơn đồng ý, bị đơn trình bày hiện tại đang chấp hành án nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

HĐXX nhận thấy nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, cùng yêu cầu ly hôn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Có một con chung tên Cao Văn P1, sinh ngày 20/7/2018 hiện nay đang ở với nguyên đơn và nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành và được bị đơn đồng ý nên cần ghi nhận giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng, đồng thời bị đơn được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn ông Cao Văn H được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh P.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Văn P1, sinh ngày 20/7/2018.

Giao cháu Cao Văn P1 cho ông Cao Văn H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Thanh P được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Cao Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số: AA/2022/0004594 ngày 03/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- UBND phường Ea Tam;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH

